

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đinh Xuân Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Tùng Sơn**

2. Bà Trần Thị Lịch

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Yến, thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên

Ngày 11/9/2018, tại trụ sở TAND huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/HSST ngày 24/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 24/8/2018, đối với bị cáo:

- **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

Con ông: Nguyễn Văn U, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; vợ: chưa có; có 01 con, sinh năm 2015;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2018 đến ngày 30/3/2018. Hiện đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 01 ngày 16/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình; vắng mặt.

- **Người bị hại:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1959, địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1971, địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/3/2018, Nguyễn Văn T thấy ông Nguyễn Văn N và vợ ông N đi thu gom rác thải ở thôn nên T nghĩ nhà ông N sẽ không có ai ở nhà và đã nảy sinh ý định đến nhà ông N để trộm cắp tài sản. T một mình điều khiển xe đạp mini màu trắng xanh của ông Nguyễn Văn U (bố đẻ của T) và mang theo 01 vạm phá khóa bằng kim loại, hình chữ L (do Nguyễn Văn T tự chế từ trước ở nhà ông Nguyễn Kim T) đến nhà ông N. Khi đến nhà ông N, T thấy

không có ai ở nhà, cửa nhà khóa bằng khóa dây màu xanh còn cửa cổng khép nhưng không khóa nên T mở cửa cổng đi vào sân và dựng xe đạp rồi dùng văm phá khóa dây đột nhập vào trong nhà. Khi vào được trong nhà, T khép cửa lại, rồi đi đến vị trí tủ gỗ đựng quần áo ở góc nhà bên phải theo hướng từ cửa chính đi vào trong nhà. Tại đây, T quan sát thấy cánh cửa ngăn tủ bên phải theo hướng T đứng nhìn thẳng vào tủ, không khóa. Vì vậy, T dùng tay mở cánh cửa tủ bên phải lục lọi thấy 01 ví da màu nâu cất dưới quần áo để trong tủ, bên trong ví có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau nên đã lấy ra khoảng 2.000.000 đồng rồi để chiếc ví da vào vị trí cũ. Sau đó, T tiếp tục mở cánh cửa tủ bên trái nhưng không mở được nên T dùng văm phá khóa để cạy khóa. Khi mở được cánh cửa tủ bên trái, T quan sát thấy trong ngăn tủ có 01 hộp giấy bì cứng bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau nên T lấy ra khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Số tiền T lấy ra trong ví da và trong thùng giấy bì cứng, T đều cất vào túi ngực bên trái áo khoác đang mặc.

Sau khi lấy được tiền, T quay ra cửa nhìn thấy ông N đang mở cổng đi vào sân nên T bỏ một phần tiền giấu dưới chiếu trái trên phản cùng chiếc văm phá khóa, một phần tiền T cất trong túi quần phía trước bên phải, phần còn lại T cài ở cạp quần đang mặc. Khi ông N vào trong nhà, thấy T đang ở nhà ông, đồng thời ông quan sát thấy cửa tủ gỗ quần áo có dấu hiệu bị cạy phá nên ông N nghi ngờ T đã trộm cắp tài sản. Ông N đã kiểm tra trong túi quần của T thấy có tiền nên lấy ra để trên mặt uống nước. Sau đó, ông N quay ra tủ gỗ tìm chiếc ví, kiểm tra tiền trong ví rồi để ví trên mặt bàn uống nước. Ông N tiếp tục kiểm tra trong nhà thì thấy số tiền T vừa giấu trên phản, ông N cầm toàn bộ số tiền này cùng chiếc văm phá khóa để lên mặt chiếu. Lợi dụng lúc ông N sơ hở, T đã bỏ chạy và mang theo số tiền cất ở cạp quần. Trong quá trình bỏ chạy, T đã làm rơi 700.000 đồng, sau đó ông N nhặt được rồi bỏ lên mặt chiếu trái trên phản. Khi bỏ chạy về đến thôn C, xã N, T dừng lại và kiểm tra tiền cất ở cạp quần, thấy còn 550.000 đồng, sau đó T đã chi tiêu cá nhân hết.

Cùng ngày, ông N có đơn trình báo sự việc Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản của gia đình ông.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình đã phát hiện và thu giữ:

- + Số tiền trên mặt bàn uống nước gồm 36 tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng; 36 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. *Tổng số tiền là 1.080.000 đồng.*

- + Số tiền phát hiện trên chiếu trái trên mặt phản gồm: 05 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; 23 tờ tiền Polime mệnh giá 100.000 đồng; 40 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng và 08 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. *Tổng số tiền là 6.880.000 đồng.*

- + 01 ví da màu nâu, bên trong gồm: 04 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng; 15 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng; 32 tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. *Tổng số tiền là 820.000 đồng.*

+ 01 thanh kim loại màu trắng bạc hình chữ L, mặt cắt ngang hình lục giác, trên thân có khắc chìm dòng chữ “CHESSCO 8mm SCM440”. Thanh kim loại có chiều dài 20cm, phần cong dài 4,2m, cả hai đầu đều dẹt, vát nhọn.

+ 01 chiếc khóa dây dài 51,5cm, phần dây khóa bằng kim loại có bọc vỏ nhựa màu xanh, phần ổ khóa bằng kim loại màu đồng, kiểm tra phần ổ khóa bị hỏng mất tác dụng, có thể mở khóa mà không cần chìa khóa.

Ngày 13/3/2018, ông Nguyễn Văn U đã tự nguyện giao nộp 01 xe đạp mini màu trắng xanh, dạng xe nữ, có lồng màu trắng, xe đã qua sử dụng.

Ngày 27/3/2018, T đã đến Công an huyện Gia Bình đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Hiện nay, T đã bỏ trốn và đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 01 ngày 16/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình.

Tại cáo trạng số 22/CT-VKS-GB ngày 22/5/2018 của VKSND huyện Gia Bình đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, người bị hại là ông Nguyễn Văn N xác định ngày 13/3/2018, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông, cụ thể: khi ông về nhà thì thấy T đang ở nhà ông, cửa tủ gỗ quần áo có dấu hiệu bị cạy phá, kiểm tra thì ông phát hiện T đã trộm cắp tiền ở trong ví và trong hộp bìa cứng ở trong tủ của gia đình ông, T có bỏ lại một ít tiền lẻ. Ông phát hiện ra T đã giấu số tiền trộm cắp này ở trong túi quần của T và ở dưới phản nên đã lấy ra để trên mặt bàn uống nước và để ở trên chiếu trải trên mặt phản; số tiền T giấu dưới cặp quần thì ông không phát hiện mà khi T bỏ chạy đã làm rơi 700.000 đồng nên đã nhặt lại và để trên mặt chiếu để trên phản. Tổng số tiền T đã trộm cắp của gia đình ông vào ngày 13/3/2018 là: 8.510.000 đồng. Về số tiền 550.000 đồng mà T đã trộm cắp và tiêu xài hết, ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Ngoài ra, ông xin lại số tiền: 8.780.000 đồng và 01 chiếc ví da cơ quan điều tra đã thu giữ của gia đình ông, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 khóa dây đã hỏng. Ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Nguyễn Văn U là bố đẻ bị cáo xác định bị cáo T đã bỏ đi từ ngày 25 tháng 5 năm 2018, từ đó tới nay không về nhà và không có bất kỳ liên lạc gì với gia đình. Ông xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T.

Về chiếc xe đạp T sử dụng để đi trộm cắp tài sản ở nhà ông N, ông xác định đây là tài sản hợp pháp của gia đình ông, ông không biết việc T sử dụng chiếc xe đạp này để đi trộm cắp tài sản. Ông xin HĐXX cho ông xin lại chiếc xe đạp trên để làm phương tiện đi lại.

Đại diện VKSND huyện Gia Bình thực hành quyền công tố tại phiên tòa công bố bản luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX:

- *Tuyên bố* bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s, i Khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 - 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền: 8.780.000 đồng và 01 chiếc ví da màu nâu.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn U chiếc 01 xe đạp mini màu trắng xanh.

Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa hình chữ L; 01 khóa dây.

Sau khi nghe bản luận tội của VKSND huyện Gia Bình, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn U đều không có ý kiến tranh luận và đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T vắng mặt. Xét thấy, bị cáo đã trốn và việc truy nã không có kết quả, do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Mặc dù, bị cáo không có mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy, lời nhận tội của bị cáo trong các giai đoạn điều tra phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, tang vật thu giữ được và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/3/2018, Nguyễn Văn T đã lén lút trộm cắp của gia đình ông Nguyễn Văn N số tiền: 8.510.000 đồng (bao gồm: số tiền thu trên mặt bàn uống nước là 1.080.000 đồng, số tiền thu trên mặt chiếu trải trên phản là: 6.880.000 đồng và số tiền: 550.000 đồng mà T đã trộm cắp và tiêu xài hết; không bao gồm: số tiền còn lại trong ví da: 820.000 đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể được Luật hình sự bảo vệ, đó là quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo hiểu và biết được hậu quả của hành vi trộm cắp mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn vi phạm. Vì vậy, cần xử mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo, thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mặt khác, bị cáo đã ra đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, tội phạm mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên khi quyết định hình phạt HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo đã bỏ trốn và bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã nên bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, áp dụng hình phạt tù giam ở mức khởi điểm ở khung hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét thấy bị cáo không có thu nhập, con còn nhỏ nên không áp dụng là phù hợp.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo đã tiêu xài hết số tiền 550.000 đồng đã trộm cắp được của ông N. Tuy nhiên, xét thấy ông N không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do vậy, không đặt ra xem xét trong vụ án này, ông Nguyễn Văn N có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 vạm phá khóa hình chữ L là công cụ phương tiện phạm tội và 01 khóa dây đã hỏng mất chức năng khóa, xét giá trị sử dụng không còn nên tịch thu tiêu hủy.

Đối số tiền: 8.780.000 đồng và 01 chiếc ví da màu nâu là tài sản hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Văn N nên trả lại cho ông Nguyễn Văn N.

Đối với 01 xe đạp mini màu trắng xanh: là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn U và ông U không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản nên trả lại cho ông Nguyễn Văn U.

[8] Đối với ông Nguyễn Văn U là chủ sở hữu chiếc xe đạp mini mà T sử dụng để đi tới nhà ông N và ông Nguyễn Kim T là người cho T mượn máy mài để chế tạo vạm phá khóa: Xét thấy, ông U không biết việc T sử dụng xe đạp để đi trộm cắp tài sản, ông Nguyễn Kim T không biết việc T chế tạo vạm phá khóa để đi trộm cắp tài sản. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình không xem xét xử lý là phù hợp.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 27/3/2018 đến ngày 30/3/2018.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu trắng bạc hình chữ L, có chiều dài 20cm, phần cong dài 4,2m, hai đầu đều dẹt vát nhọn, mặt cắt ngang hình lục giác, trên thân có khắc chìm dòng chữ “CHESSCO 8mm SCM440” và 01 chiếc khóa dây dài 51,5cm, phần dây khóa bằng kim loại có bọc vỏ nhựa màu xanh, phần ổ khóa bằng kim loại màu đồng, kiểm tra phần ổ khóa bị hỏng mất tác dụng, có thể mở khóa mà không cần chìa khóa.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền: 8.780.000 đồng và 01 chiếc ví da màu nâu không có nhãn hiệu.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn U chiếc 01 xe đạp mini màu trắng xanh có lồng xe màu trắng đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng nêu trên, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/5/2018.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Gia Bình;
- Chi cục THA huyện Gia Bình (HLPL);
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Xuân Tuấn
(Đã ký)

